Sign In

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 15/2014/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tô chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chỉnh sách tài chỉnh đôi với dự án đâu tư theo Cơ chế phát triển sạch;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khỉ hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường han hành Thông tư quy định việc xây dựng, cap Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chê phát trỉên sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc chuẩn bị, trình tự, thủ tục xem xét, xác nhận, phê duyệt các tài liệu dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khô Nghị định thư Kyoto tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt và thực hiện dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto tại Việt Nam.

Điều 3. Danh mục từ viết tắt

1.Cơ chế phát triển sạch (CDM).

2.Dự án đầu tư theo CDM (dự án CDM).

3.Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CER).

4.Tài liệu ý tưởng dự án theo CDM (PIN).

5.Vănn kiện thiết kế (DD).

6.Quy mô nhỏ (SSC).

7.Trồng rừng, tái trồng rừng (AR).

8.Thu hồi và lưu giữ các-bon (CCS).

9.Văn kiện thiết kế dự án theo CDM (PDD).

10.Văn kiện thiết kế dự án quy mô nhỏ theo CDM (SSC-PDD).

11.Văn kiện thiết kế dự án trồng rừng hoặc tái trồng rừng (AR-PDD).

12.Văn kiện thiết kế dự án thu hồi và lưu giữ các-bon (CCS-PDD).

13.Văn kiện thiết kế dự án trồng rừng hoặc tái trồng rừng quy mô nhỏ theo CDM (SSC AR-PDD).

14.Chương trình các hoạt động theo CDM (PoA).

15.Hoạt động chương trình (CPA).

16.Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động theo CDM (PoA-DD).

17.Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động quy mô nhỏ theo CDM (SSC-PoA-DD)

18.Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động trồng rừng hoặc tái trồng rừng theo CDM (AR-PoA-DD).

19.Văn kiện thiết kế Chương trình các hoạt động trồng rừng hoặc tái trồng rừng quy mô nhỏ theo CDM (SSC-AR-PoA-DD).

20.Văn kiện thiết ké Hoạt động chương trình theo CDM (CPA-DD).

21.Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình quy mô nhỏ theo CDM (SSC-CPA-DD).

22.Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình trồng rừng hoặc tái trồng rừng theo CDM (AR-CPA-DD).

23.Văn kiện thiết kế Hoạt động chương trình trồng rừng, tái trồng rừng quy mô nhỏ theo CDM (SSC-AR-CPA-DD).

24.Ban Chỉ đạo thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto (Ban Chỉ đạo).

25.Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi khí hậu).

26.Ban chấp hành quốc tế về CDM (EB).

27.Tổ chức nghiệp vụ được EB chỉ định (DOE).

28.Cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và thực hiện dự án theo Cơ chế phát triển sạch tại Việt Nam (Bên xây dựng dự án).

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.Thư xác nhận là văn bản được cấp cho các bên xây dựng dự án nộp PIN và xác nhận PIN có thể phát triển, xây dựng thành dự án CDM tại Việt Nam.

2.Thư phê duyệt là văn bản được cấp cho các bên xây dựng dự án nộp PDD, PoA-DD và khẳng định việc (hực hiện dự án theo nội dung của PDD, PoA- DD có thể đóng góp vào sự phát triển bền vững tại Việt Nam.

3.Dự án CDM quy mô nhỏ bao gồm các hoạt động sau:

4.Các hoạt động dự án năng lượng tái tạo có công suất tối đa tương đương tới 15 MW.

a)Các hoạt động dự án nâng cao hiệu quả năng lượng nhằm giảm tiêu thụ năng lượng (cung hoặc cầu) tối đa tương đương tới 60 GW/giờ/năm.

b)Các hoạt động dự án khác giảm phát thải khí nhà kính tối đa tương đương tới 60.000 tấn $C0_2$/năm.

Điều 5. Những lĩnh vực xây dựng, đầu tư dự án CDM

Dự án CDM được xây dựng, đầu tư trong các lĩnh vực sau đây:

1.Sản xuất năng lượng.

2.Chuyển tải năng lượng.

3.Tiêu thụ năng lượng.

4.Nông nghiệp.

5.Xử lý chất thải.

6.Trồng rừng và tái trồng rừng.

7.Công nghiệp hóa chất.

8.Công nghiệp chế tạo.

9.Xây dựng.

10.Giao thông.

11.Khai mỏ hoặc khai khoáng.

12.Sản xuất kim loại.

13.Phát thải từ nhiên liệu (nhiên liệu rắn, dầu và khí).

14.Phát thải từ sản xuất và tiêu thụ Halocarbons và Sulphur hexafluoride.

15.Sử dụng dung môi.

16.Thu hồi và lưu giữ các-bon.

17.Các lĩnh vực khác theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Chuẩn bị dự án CDM

1.Dự án CDM phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theoCDM.

2.Các bên xây dựng dự án xấy dựng tài liệu dự án CDM trên cơ sở yêu cầu của nhà đầu tư theo một trong hai cách như sau:

a)Xây dựng PIN trình cấp có thẩm quyền cấp Thư xác nhận sau đó tiếp tục xây dựng, phát triển PIN thành PDD hoặc PoA-DD cùng CPA-DD chung và CPA-DD thực tế để trình cấp có thẩm quyền xét cấp Thư phê duyệt.

b)Xây dựng PDD hoặc PoA-DD cùng CPA-DD chung và CPA-DD thực tế trình cấp có thẩm quyền xét cấp Thư phê duyệt.

3.Các bên xây dựng dự án chủ động hoặc thông qua tổ chức tư vấn có liên quan để lựa chọn hình thức đầu tư, công nghệ và phương thức phân chia lợi ích thích hợp có được từ dự án CDM phù hợp với quy định quốc tế và pháp luật Việt Nam.

4.Khi xây dựng PDD hoặc PoA-DD, các bên xây dựng dự án kết hợp với nhà đầu tư nước ngoài và DOE thẩm định dự án trước khi gửi EB để đăng ký dự án theo quy

định.

5.Trong vòng 06 tháng kể từ ngày dự án bắt đầu hoạt động, các bên xây dựng dự án phải báo cáo bằng văn bản tới Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về ngày bắt đầu hoạt động của dự án hoặc kế hoạch phát triển dự án CDM theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 kèm Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Thư xác nhận PIN

1.Một (01) bộ tiếng Việt PIN theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 kèm Thông tư này.

2.Văn bản của các bên xây dựng dự án đề nghị xem xét và cấp Thư xác nhận PIN theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm Thông tư này.

Điều 8. Trình tự, thủ tục, thời gian xem xét và cấp Thư xác nhận PIN

1.Bên xây dựng dự án nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

2.Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn không quá một (01) ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu yêu cầu bên xây dựng dự án bổ sung hồ sơ.

3.Trong thời hạn tối đa tám (08) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu chủ trì, phối hợp với các bên có liên quan thẩm định hồ sơ dự án và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, cấp Thư xác nhận.

Trường hợp nội dung hồ sơ cần bổ sung, điều chỉnh, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu có văn bản thông báo, hướng dẫn bên xây dựng dự án bố sung, điều chỉnh nội dung hồ sơ. Thời gian bổ sung, điều chỉnh không được tính trong tổng thời hạn xem xét, cấp Thư xác nhận.

4.Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định hồ sơ dự án, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định việc cấp Thư xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 kèm Thông tư này; trường hợp không chấp thuận bên xây dựng dự án được thông báo lý do bằng văn bản.